

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 86/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 6 – 2024

V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2024/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị Bé B, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Mai Minh D, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 08/4/2024 nguyên đơn bà Dương Thị Bé B trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Mai Minh D chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và không hoà hợp trong lối sống, không tìm được tiếng nói chung nên đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Mai Minh D.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Mai Trường V (giới tính nam), sinh ngày 05/11/2005; Mai Khánh B1 (giới tính nữ), sinh ngày 05/8/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con Mai Khánh B1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Mai Trường V đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc gia đình nên yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Mai Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Dương Thị Bé B.

Tại phiên tòa:

- Bà Dương Thị Bé B và ông Mai Minh D vắng mặt không có ý kiến trình bày khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị Bé B khởi kiện xin ly hôn với ông Mai Minh D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Mai Minh D cư trú tại ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Dương Thị Bé B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Mai Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Bé B và ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Dương Thị Bé B và ông Mai Minh D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2005 ngày 08/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà Bé B và ông D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà Bé B nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường

xuyên cứa cãi và không hoà hợp trong lối sống. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn. Đối với, ông D đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Bé B. Từ đó cho thấy ông D không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Bé B. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Bé B và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bé B, bà Bé B được ly hôn với ông D.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Mai Trường V (giới tính nam), sinh ngày 05/11/2005; Mai Khánh B1 (giới tính nữ), sinh ngày 05/8/2012. Sau khi ly hôn bà B2 Ba yêu cầu được nuôi con Mai Khánh B1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông D không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của bà Bé B.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai ngày 08/4/2024 của con chung Mai Khánh B1 có nguyện vọng sống với mẹ và bà B2 Ba có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của con chung căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà B2 Ba trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mai Khánh B1 là phù hợp. Bà B2 Ba không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với con chung Mai Trường V đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bé B và ông D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà B2 Ba phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Bé B đối với ông Mai Minh D. Bà Dương Thị Bé B được ly hôn với ông Mai Minh D.

Về nuôi con chung: Giao người con tên Mai Khánh B1 (giới tính nữ), sinh ngày 05/8/2012 cho bà Dương Thị Bé B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Mai Trường V (giới tính nam), sinh ngày 05/11/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Ông Mai Minh D không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Dương Thị Bé B.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Bé B và ông Mai Minh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Dương Thị B3 Ba phải chịu 300.000 đồng. Bà Dương Thị Bé B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003403 ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Hải, huyện Phú Tân;
- (Giấy CNKH số 50 ngày 08/3/2005)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như